

# ĐƯỜNG LỐI XỬ LÝ VÀ HẬU QUẢ NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG THUỘC THẨM QUYỀN XÉT XỬ CỦA TOÀ ÁN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

*Nguyễn Văn Tiến\**

**T**rong tố tụng dân sự, thẩm quyền của Toà án được phân chia thành ba hình thức là thẩm quyền theo vụ việc (theo đối tượng), thẩm quyền theo cấp Toà án và thẩm quyền theo lãnh thổ. Thẩm quyền theo vụ việc để xác định Toà án được giải quyết những vụ việc nào theo thủ tục tố tụng dân sự. Thẩm quyền theo cấp Toà án để xác định mỗi cấp Toà án được giải quyết những vụ việc nào theo từng thủ tục tố tụng khác nhau. Thẩm quyền theo lãnh thổ để xác định Toà án ở địa bàn nào giải quyết sơ thẩm vụ việc đó.

Về bản chất, việc phân định thẩm quyền theo vụ việc và thẩm quyền theo cấp Toà án liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động của hệ thống Toà án nói chung. Trong khi đó, thẩm quyền theo lãnh thổ nhằm mục đích chính yếu là tạo điều kiện cho các đương sự, đặc biệt là bị đơn tham gia tố tụng<sup>1</sup>. Với bản chất đó, pháp luật các nước quy định đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của từng trường hợp vi phạm thẩm quyền khác nhau. Chẳng hạn, những trường hợp vi phạm thẩm quyền theo vụ việc và thẩm quyền theo cấp Toà án được coi là vi phạm nghiêm trọng và là căn cứ để Toà án cấp trên huỷ án. Bởi lẽ, đây là trường hợp vi phạm đến việc phân định chức năng của Toà án với các thiết chế khác hoặc hoạt động của mỗi cấp Toà án trong hệ thống tư pháp nói chung. Trong khi đó, những trường hợp vi phạm thẩm quyền theo lãnh thổ thì chỉ chính các đương sự trong vụ án mới có quyền yêu cầu tuyên bố Toà án đã vi phạm. Hơn vậy, Toà án cấp trên chỉ tuyên bố Toà án cấp dưới

đã vi phạm thẩm quyền theo lãnh thổ và huỷ bản án khi đương sự yêu cầu chứng minh được quyền lợi của họ bị thiệt hại do Toà án đã giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền. Nếu các đương sự không phản đối thì Toà án hay Viện công tố cũng không thể tự mình nêu quan điểm cho đó là vi phạm quy định về thẩm quyền xét xử<sup>2</sup>.

Đối chiếu với quy định pháp luật tố tụng dân sự trong nước, chúng ta thấy, Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) nước ta không có quy định cụ thể đường lối xử lý và hậu quả của từng trường hợp vi phạm thẩm quyền. Chính vì vậy, trên thực tiễn, Toà án cấp trên đã khá lúng túng khi giải quyết những trường hợp Toà án cấp dưới xét xử không đúng thẩm quyền. Thực tế là sẽ không hợp lý nếu trong mọi trường hợp Toà án cấp trên khi phát hiện Toà án cấp dưới xét xử không đúng thẩm quyền thì sẽ huỷ án để yêu cầu xét xử lại. Bài viết này trình bày đường lối xử lý và hậu quả của từng trường hợp vi phạm thẩm quyền của Toà án trong việc giải quyết vụ án dân sự theo quy định của BLTTDS. Trên cơ sở đó, phân tích một số bất cập của BLTTDS để từ đó đề xuất những ý kiến hoàn thiện các quy định về thẩm quyền cho lần sửa đổi BLTTDS sắp tới.

## ***1. Đường lối xử lý trường hợp không thuộc thẩm quyền của Toà án trước khi thụ lý sơ thẩm vụ án dân sự***

Theo quy định tại Điều 167 BLTTDS, nếu trước khi thụ lý vụ án dân sự mà phát hiện vụ án không thuộc thẩm quyền của mình thì tùy từng trường hợp mà Toà án xử lý khác nhau. Cụ thể, nếu vụ án không thuộc thẩm quyền của Toà án đã thụ lý và cũng không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Toà án nào, tức

\* Th.s Luật học, Giảng viên Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>1</sup> Nguyễn Huy Đẩu, Luật Dân sự Tố tụng Việt Nam, NXB Sài Gòn năm 1962, tr.353

<sup>2</sup> Nguyễn Huy Đẩu, Sđd, tr.357, 358

là không thuộc đối tượng giải quyết của Tòa án theo bất kỳ hình thức tố tụng nào thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Vì Tòa án chưa thụ lý giải quyết nên trong trường hợp này Tòa án không phải ra bất cứ quyết định tố tụng nào nhưng Tòa án phải giải thích bằng văn bản cho đương sự biết vì sao Tòa án không thụ lý giải quyết. Đồng thời, Tòa án hướng dẫn cho đương sự đến cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục yêu cầu giải quyết vụ việc.

Tuy nhiên, nếu như tranh chấp đó không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhận đơn mà lại thuộc thẩm quyền của Tòa án khác thì Tòa án chuyển đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo đến cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho đương sự biết. Trường hợp này được hiểu là vụ việc tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Tòa án đó nhưng lại thuộc thẩm quyền của cấp Tòa án khác hoặc không thuộc thẩm quyền của Tòa án ở địa bàn khác hoặc không thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách đó (đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh) nhưng lại thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách khác. Trong trường hợp này, do Tòa án chưa thụ lý nên Tòa án không phải ra quyết định chuyển vụ án. Tuy nhiên, khi chuyển Tòa án phải thông báo cho người khởi kiện biết.

Ngoài ra, đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, nếu trong trường hợp một trong các Tòa chuyên trách là Tòa dân sự, Tòa kinh tế và Tòa lao động nhận đơn khởi kiện mà khó khăn trong việc xác định vụ tranh chấp là dân sự, kinh doanh, thương mại hay lao động thì theo Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án tỉnh sẽ quyết định giao vụ tranh chấp cho một trong ba Tòa chuyên trách trên để giải quyết<sup>3</sup>.

## **2. Đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của trường hợp không thuộc thẩm quyền**

<sup>3</sup> Xem Mục I.1.1 của Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Phân Nhữm quy định chung của BLTTDS.

### ***của Tòa án trong thủ tục sơ thẩm sau khi đã thụ lý vụ án***

Trong trường hợp sau khi thụ lý sơ thẩm vụ án, Tòa án mới phát hiện vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Tòa án có thể xử lý theo một trong ba phương thức. Thứ nhất, nếu vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã thụ lý và cũng không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Tòa án nào thì Tòa án phải căn cứ vào Điều 192 BLTTDS, ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Đây là trường hợp vụ tranh chấp không thuộc đối tượng giải quyết của Tòa án nói chung, bất kể là Tòa án cấp nào, Tòa án ở địa bàn nào hay Tòa chuyên trách nào. Chẳng hạn, sau khi thụ lý vụ án Tòa án mới phát hiện ra tranh chấp đó chỉ là tranh chấp về quyền sử dụng đất, không có tài sản trên đất và diện tích đất đó lại không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 50, thì trong trường hợp này Tòa án phải đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Thứ hai, nếu vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã thụ lý, nhưng thuộc thẩm quyền của Tòa án khác thì trong trường hợp này Tòa án phải căn cứ vào Điều 37 BLTTDS, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Đây là trường hợp không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã thụ lý nhưng thuộc thẩm quyền của cấp Tòa án khác hoặc không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã thụ lý nhưng thuộc thẩm quyền của Tòa án ở địa bàn khác hoặc không thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách (Tòa dân sự, Tòa kinh tế hay Tòa lao động) nhưng thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách là Tòa hành chính hay hình sự. Vì Tòa án đã thụ lý vụ án nên khi chuyển vụ án, Tòa án phải ra quyết định chuyển vụ án; đồng thời Tòa án phải xoá sổ thụ lý.

Thứ ba, nếu vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách đã thụ lý nhưng thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách khác trong số các Tòa dân sự, Tòa kinh tế và Tòa lao động thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì sẽ xử lý như thế nào? BLTTDS không

quy định cụ thể đường lối xử lý đối với trường hợp nêu trên. Tuy nhiên, tại Mục I tiểu mục 1.1 của Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP hướng dẫn mặc dù không thuộc thẩm quyền Tòa chuyên trách, nhưng Tòa chuyên trách đã thụ lý vẫn tiếp tục giải quyết vụ việc đó nhưng chú ý ghi số ký hiệu loại vụ án cho đúng tính chất của từng loại việc. Nói cách khác, nếu Tòa dân sự thụ lý vụ án lao động hoặc vụ án kinh doanh, thương mại thì Tòa dân sự vẫn tiếp tục giải quyết vụ án mà không cần phải chuyển vụ án sang cho Tòa lao động hoặc Tòa kinh tế. Cần lưu ý là trường hợp này chỉ xảy ra đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh vì các Tòa chuyên trách chỉ được tổ chức từ Tòa án nhân dân cấp tỉnh trở lên.

### **3. Đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của trường hợp không thuộc thẩm quyền của Tòa án sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định**

Hiện nay, BLTTDS chưa quy định cụ thể về đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của từng trường hợp không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn giải quyết vụ án và ra bản án, quyết định. Một cách gián tiếp, BLTTDS quy định những căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm để chuyển về xét xử lại hoặc huỷ bản án, quyết định và đình chỉ giải quyết vụ án. Trên cơ sở đó, chúng ta có thể suy luận về đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của từng trường hợp tương ứng với từng thời điểm tố tụng khác nhau.

Thứ nhất, sau khi xét xử sơ thẩm, nếu phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền xét xử có là căn cứ để kháng cáo, kháng nghị?

BLTTDS nước ta quy định đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực của Tòa án. Phạm vi kháng cáo của các đương sự không bị giới hạn. Nói cách khác, đương sự được quyền kháng cáo về tất cả mọi vấn đề trong bản án sơ thẩm cũng như những hoạt động tố tụng của Tòa án, bao gồm cả những quy định về thẩm quyền. Như vậy, nếu Tòa án cấp sơ

thẩm vi phạm các quy định về phân định thẩm quyền, bất kể là hình thức thẩm quyền theo vụ việc, thẩm quyền theo cấp Tòa án hay thẩm quyền theo lãnh thổ, thì đây đều là căn cứ kháng cáo của đương sự. Quy định này là hoàn toàn hợp lý và tương tự như pháp luật tố tụng các nước.

Tuy nhiên, đối với việc kháng nghị của Viện kiểm sát, BLTTDS không có quy định nào điều chỉnh về phạm vi kháng nghị của Viện kiểm sát. Thực vậy, tương tự như phạm vi kháng cáo của đương sự, Viện kiểm sát có thể kháng nghị bất cứ nội dung nào của vụ án, trong đó bao gồm tất cả các trường hợp Tòa án xét xử không đúng thẩm quyền. Chính vì phạm vi kháng nghị của Viện kiểm sát không bị giới hạn nên trên thực tế, có những vụ án do Viện kiểm sát kháng nghị đã dẫn tới kéo dài thời hạn tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Cụ thể, đó là trường hợp Tòa án xét xử vụ án không thuộc thẩm quyền theo lãnh thổ của mình nhưng các đương sự không phản đối (không kháng cáo), nhưng Viện kiểm sát vẫn kháng nghị.

Thiết nghĩ, cần thiết phải trở lại vai trò, chức năng của Viện kiểm sát nói chung và Viện kiểm sát tham gia tố tụng dân sự nói riêng khi quy định về phạm vi kháng nghị của Viện kiểm sát. Khi tham gia tố tụng dân sự, Viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát các hoạt động tố tụng nhằm đảm bảo trật tự công cộng, sự thống nhất trong áp dụng pháp luật chứ không trực tiếp bảo vệ quyền và lợi ích tư của các đương sự, mặc dù qua đó, có thể gián tiếp bảo vệ quyền lợi cho các chủ thể này. Như đã trao đổi, bản chất của việc phân định thẩm quyền theo lãnh thổ nhằm bảo vệ quyền lợi cho chính các đương sự. Chính vì vậy, khi sửa đổi BLTTDS chúng ta cần phân định chỉ đương sự, cụ thể là những đương sự có quyền lợi liên quan, mới có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến việc vi phạm thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án. Viện kiểm sát chỉ kháng nghị về những trường hợp vi phạm thẩm quyền theo vụ việc và thẩm quyền theo cấp Tòa án.

Thứ hai, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xử lý như thế nào đối với trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng thẩm quyền?

Khoản 2 Điều 277 BLTTDS quy định thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm được huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại khi phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.<sup>4</sup> Bên cạnh đó, Điều 278 BLTTDS, viện dẫn lại Điều 192 và qua đó, đến Điều 168, quy định Hội đồng xét xử phúc thẩm được huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nếu vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Như vậy, có hai đường lối xử lý và hậu quả hoàn toàn khác nhau cho trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm các quy định về thẩm quyền xét xử.

Tuy nhiên, vì BLTTDS không quy định cụ thể nên chúng ta có thể suy luận rằng nếu Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã thụ lý và cũng không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Tòa án nào thì Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 278 BLTTDS, phải huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Đây là trường hợp vụ việc tranh chấp không thuộc đối tượng giải quyết của Tòa án theo bất kỳ hình thức tố tụng nào. Nếu vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng thuộc thẩm quyền của Tòa án khác thì Tòa án cấp phúc thẩm phải căn cứ vào Điều 277 BLTTDS, huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại. Trường hợp này được coi như Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng bởi vì Tòa án đã giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của cấp Tòa án khác,

thuộc thẩm quyền của Tòa án ở địa phương khác hoặc thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách khác là Tòa hành chính, Tòa hình sự.

Ngoài ra, nếu trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm là Tòa phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tối cao mà phát hiện một trong ba Tòa chuyên trách là Tòa dân sự, Tòa kinh tế và Tòa lao động thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết vụ án của Tòa chuyên trách khác trong số ba Tòa chuyên trách đó thì căn cứ vào tinh thần của Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ cần ghi lại số ký hiệu loại vụ án cho đúng tính chất của từng loại việc. Nói cách khác, trong trường hợp vi phạm thẩm quyền giữa một trong ba Tòa chuyên trách là Tòa dân sự, Tòa kinh tế và Tòa lao động thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì bản án, quyết định sơ thẩm đó không bị huỷ bỏ.

**4. Đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của trường hợp không thuộc thẩm quyền của Tòa án sau khi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật**

Khác với thủ tục phúc thẩm chỉ quy định thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm xử lý trường hợp Tòa án đã xét xử vụ án không thuộc thẩm quyền của mình, trong thủ tục giám đốc thẩm, BLTTDS quy định căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm riêng biệt với thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm. Trên cơ sở đó, chúng ta cũng cần phân biệt đường lối xử lý và hậu quả pháp lý khi người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm và thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm khi ra quyết định.

*Thứ nhất*, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật do Tòa án không có thẩm quyền ban hành có phải là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm hay không?

Khoản 2 Điều 283 BLTTDS quy định một trong những căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm là “có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”. Tuy nhiên, BLTTDS không quy định thế nào là “vi phạm nghiêm trọng”. Các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn thi hành BLTTDS cũng không giải thích về quy định nêu trên. Trở ngược lại thời điểm trước khi ban hành BLTTDS, tại Công

<sup>4</sup> Điều 277 BLTTDS quy định huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án khi thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật này hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng.

Điều 278 BLTTDS quy định Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nếu trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 192 của Bộ luật này.

văn số 16/1999/KHXX ngày 01.12.1999 giải đáp về một số vấn đề về hình sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng của Tòa án nhân dân tối cao cũng chỉ đề cập đến trường hợp người khởi kiện không thuộc trường hợp không phải nộp án phí, miễn nộp án phí tạm ứng án phí mà không nộp tạm ứng án phí thì bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục thủ tục tố tụng và là căn cứ để hủy án. Các vi phạm khác không được hướng dẫn cụ thể.

Về mặt phương pháp luận, chúng ta chỉ có thể suy luận những trường hợp vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự mới được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trong khi đó, việc xác định thẩm quyền của Tòa án không thuộc phạm vi các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự.<sup>5</sup> Nói cách khác, nếu dựa vào phương pháp suy luận trên, thì những trường hợp vi phạm thẩm quyền xét xử không được coi là vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự.

Tuy vậy, trên thực tế, nếu Tòa án vi phạm thẩm quyền xét xử thì vẫn coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Thực vậy, đã có rất nhiều bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm và sau đó bị Hội đồng giám đốc thẩm hủy án để xét xử lại với căn cứ Tòa án không có thẩm quyền xét xử. Việc giải thích và áp dụng pháp luật như vậy là hợp lý. Tuy vậy, điểm không hợp lý là không phải mọi trường hợp Tòa án xét xử mà không có thẩm quyền đều được coi là vi phạm nghiêm trọng. Những trường hợp vi phạm thẩm quyền theo vụ việc hoặc thẩm quyền theo cấp Tòa án cần được giải thích là vi phạm nghiêm trọng vì chúng liên quan

đến tổ chức, hoạt động, chức năng của Tòa án. Trong khi đó, những trường hợp vi phạm thẩm quyền theo lãnh thổ không được mặc nhiên coi là vi phạm nghiêm trọng. Cụ thể hơn, những trường hợp vi phạm thẩm quyền theo lãnh thổ chỉ được coi là vi phạm nếu lý do đó được chính đương sự của vụ án yêu cầu. Việc vi phạm đó cũng chỉ coi là nghiêm trọng nếu quyền và lợi ích của đương sự đó bị xâm phạm do Tòa án ở địa phương khác xét xử. Đây cũng là nội dung mà khi sửa đổi BLTTDS chúng ta cần cần nhắc áp dụng.

*Thứ hai*, Hội đồng giám đốc thẩm sẽ xử lý như thế nào đối với những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật do Tòa án không có thẩm quyền ban hành?

Mặc dù BLTTDS không quy định cụ thể nhưng chúng ta có thể suy luận tương tự như Hội đồng xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm cũng sẽ giải quyết khác nhau đối với từng trường hợp vi phạm thẩm quyền xét xử. Cụ thể, nếu như vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã xét xử và cũng không thuộc thẩm quyền của Tòa án theo bất kỳ thủ tục tố tụng nào thì Hội đồng giám đốc thẩm phải căn cứ vào Điều 300 BLTTDS, hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực đó để đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã xét xử nhưng thuộc thẩm quyền của Tòa án khác thì đây là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm và là cơ sở để Tòa án giải quyết giám đốc thẩm, Hội đồng giám đốc thẩm phải căn cứ vào Điều 299 BLTTDS, hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực và chuyển vụ án về để xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm lại. Đây là trường hợp vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án đã xét xử, nhưng thuộc thẩm quyền của cấp Tòa án khác, thuộc thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án khác hoặc thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách là Tòa hình sự, Tòa hành chính.

Chúng ta cần lưu ý là nếu phát hiện vụ án do một trong các Tòa chuyên trách là Tòa dân sự, Tòa kinh tế và Tòa lao động thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết không thuộc thẩm quyền của mình, nhưng thuộc thẩm

<sup>5</sup> Thực tế là, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 quy định các nguyên tắc cơ bản tại Chương I Những quy định chung và thẩm quyền của Tòa án tại Chương II, BLTTDS quy định các nguyên tắc cơ bản tại Chương II và thẩm quyền của Tòa án tại Chương III. Hơn nữa, theo một số nhà khoa học pháp lý Pháp và châu Âu lục địa thì pháp luật tố tụng dân sự bao gồm nội dung cơ bản là cơ cấu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp dân sự, thẩm quyền của Tòa án và thủ tục tố tụng giải quyết vụ việc dân sự. Xem thêm, Nguyễn Huy Đậu, Sđd, tr.26

quyền của một trong ba Toà chuyên trách nêu trên thì không phải là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm. Mặc dù vậy, nếu Hội đồng giám đốc thẩm xét lại án vì căn cứ kháng nghị khác mà phát hiện như vậy thì chỉ cần ghi lại số ký hiệu loại án cho phù hợp.

Ngoài ra, đối với thủ tục tái thẩm, nếu Hội đồng tái thẩm xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực mà phát hiện vụ án không thuộc thẩm quyền của Toà án đã xét xử thì cũng sẽ giải quyết tương tự như đường lối xử lý của Hội đồng giám đốc thẩm.

Tóm lại, mặc dù do tính chất, việc phân định thẩm quyền được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác, trong đó có BLTTDS,<sup>6</sup> tuy nhiên, cơ sở pháp lý quy định về đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của những trường hợp không thuộc thẩm quyền của Toà án cần phải được quy định tập trung trong BLTTDS. Chính vì vậy, khi sửa đổi BLTTDS, chúng ta cần thiết phải bổ sung những quy định cụ thể về đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của những trường hợp không thuộc thẩm quyền của Toà án để theo đó, xây dựng cơ sở thống nhất cho việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự.

<sup>6</sup> Chẳng hạn, việc phân định thẩm quyền xét xử các tranh chấp về đất đai giữa Toà án với Ủy ban nhân dân được quy định trong Luật Đất đai hoặc việc phân định thẩm quyền giữa Toà án nhân dân cấp huyện và Toà án nhân dân cấp tỉnh trong việc xét xử sơ thẩm những vụ việc hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài được điều chỉnh trong Luật Hôn nhân và gia đình...

### *(Tiếp theo trang 8 – Tổ chức thực hiện quyền hành pháp)*

Sáu vấn đề rút ra trên chưa được khẳng định rành mạch nên dẫn đến tình trạng: tập quyền quá mức; phân tán, đùn đẩy thẩm quyền dẫn đến chồng lấn và bỏ trống; xin cho ý kiến, vật chất và cơ chế; tạo ra tính “hình thức” của những tổ chức do cử tri bầu ra, trong đó có Hội đồng nhân dân.

Từ những thực trạng có tính hạn chế này đã nảy sinh hai khuynh hướng liên quan đến tổ chức hành pháp ở địa phương:

*Một là*, tăng cường vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp;

*Hai là*, không có Hội đồng nhân dân ở huyện, quận và phường; tức là chỉ có Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh và ở xã.

Căn cứ lý thuyết và thực tiễn để thực hiện “ba không” kể trên chưa đủ sức thuyết phục trong hệ thống chính trị có khá nhiều cơ cấu tổ chức của nó đã và đang có xu hướng tham gia quá mức vào thực hiện quyền hành pháp và hành chính nhà nước của hệ thống chính phủ (hành pháp và cai quản). Đồng thời, quyền tự chủ, tự quản, tự

trị của các cấp hành chính địa phương không rõ, chưa được khẳng định có tính pháp lý nên các quyết định lập quy của Hội đồng nhân dân trở thành “cái đuôi” của quyết định hành chính và chính trị cấp trên và cùng cấp. Do vậy, nó là một cơ cấu thực hiện thẩm quyền có tính hình thức nhiều hơn thực chất.

Từ đó, nếu chưa đổi cơ chế tập quyền “lồng chứa” như hiện nay thì việc thực hiện “ba không” (không Hội đồng nhân dân ở huyện, quận, phường) có thể làm nhưng chưa đủ cơ sở lý thuyết và hiệu quả khó lường định.

Nếu hình thành cơ chế tự quản, tự chủ, tự trị của cấp tỉnh, huyện, xã thì ở đó có Hội đồng nhân dân để tự quyết những vấn đề thuộc tự quản địa phương. Riêng thành phố bỏ cơ chế tổ dân phố theo cách hành chính bắt buộc như hiện nay, xây dựng thành phố đô thị (nội đô) và khu vực phụ cận chưa hoàn toàn được đô thị hoá với hai loại hình tổ chức chính quyền: nội đô là đơn vị hành chính cơ sở và ở khu vực phụ cận có đơn vị hành chính huyện, xã. Xã là đơn vị cơ sở.